

MỤC LỤC

- I. DẦU CẮT GỌT PHA NƯỚC**
- II. DẦU CẮT GỌT KHÔNG PHA NƯỚC**
- III. DẦU ĐỊNH HÌNH**
- IV. DẦU CHỐNG GỈ**
- V. DẦU CÁN**
- VI. DẦU TẨY RỬA**
- VII. DẦU XỬ LÝ NHIỆT**
- VIII. DẦU CÔNG NGHIỆP**
 - DẦU THỦY LỰC**
 - DẦU BÁNH RĂNG**
 - DẦU MÁY**
 - DẦU RÃNH TRƯỢT**
 - DẦU TRỤC QUAY**
 - DÂY MÁY NÉN KHÍ**
 - DẦU BƠM CHÂN KHÔNG**
 - DẦU TUA BIN**
 - DẦU TRUYỀN NHIỆT**
- IX. DẦU ĐỘNG CƠ**
- X. DẦU HỘP SỐ**
- XI. DẦU TÁCH KHUÔN**



SHL SAMSOL _

DẦU CẮT GỌT PHA NƯỚC SHL là dầu pha nước đa chức năng được làm từ dầu gốc đặc biệt, chất kết dính, phụ gia chống gỉ, chống tạo bọt, ổn định nhũ tương, kháng khuẩn và chất nhũ hóa cao, tạo ra nhũ tương ổn định ngay cả khi kết hợp với nước độ cứng cao. Khi pha loãng với nước, sản phẩm sẽ có màu trắng sữa hoặc trong suốt.

Dầu cắt gọt pha nước SHL có hàm lượng kiềm cao, tính tẩy rửa tốt, ít tạo bọt, chất diệt khuẩn giúp ngăn ngừa hiệu quả vi sinh vật trong bể chứa.

- Dầu cắt gọt pha nước được sử dụng trong quá trình gia công kim loại để làm mát và bôi trơn vị trí kim loại được gia công, nó cũng làm sạch các mảnh vụn kim loại xuất hiện trong quá trình gia công khỏi bề mặt của mẫu vật.
- Dầu cắt gọt pha nước được sử dụng trong các ứng dụng từ dễ gia công đến khó gia công như tiện, phay, đào doa, khoan, doa, ta rô... trên tất cả các kim loại từ kim loại đen đến kim loại màu, từ kim loại dẻo đến kim loại cứng.

1. LOẠI NHỮ TƯƠNG

1.1. LOẠI NHỮ TƯƠNG

Sản phẩm	Ngoại quan 10%	Độ bôi trơn	Tỷ trọng (15/4°C)	pH (10%)	Hợp kim thép	Hợp kim phi thép	Ứng dụng
SHL SAMSOL F10	Nhũ tương trắng sữa	○	0.94	9.6	✓	✓	Cắt và mài cho ADC, AL50, 60
SHL SAMSOL F14	Nhũ tương trắng sữa	○	0.94	9.7	✓	✓	Cắt và mài cho ADC, AL50, 60
SHL SAMSOL EA 650F	Trắng sữa – bán trong suốt	○	0.96	9.5	✓	✓	Cắt và mài cho ADC, AL50, 60
SHL SAMSOL K5V	Trắng sữa – bán trong suốt	○	0.96	9.6	✓	✓	Cắt và mài cho ADC, AL50, 60
SHL SAMSOL K7E	Trắng sữa – bán trong suốt	○	0.96	9.3	✓	✓	Cắt và mài cho ADC, AL50, 60

1.2. LOẠI NHũ TƯƠNG THÔNG THƯỜNG

Sản phẩm	Ngoại quan 10%	Độ bôi trơn	Tỷ trọng (15/4°C)	pH (10%)	Hợp kim thép	Hợp kim phi thép	Ứng dụng
SHL SAMSOL V1	Nhũ tương trắng sữa	○	0.96	10.4	✓		Cắt & mài Đúc sắt
SHL SAMSOL E1	Nhũ tương trắng sữa	○	0.95	10	✓		Cắt & mài Đúc sắt
SHL SAMSOL EF100H	Nhũ tương trắng sữa	○	0.97	9.9	✓		Cắt & mài Đúc sắt
SHL SAMSOL EF 150H	Nhũ tương trắng sữa	○	0.96	10	✓		Đối với thép Cacbon, thép hợp kim

1.3. LOẠI SẢN PHẨM CHUYÊN DỤNG

Sản phẩm	Ngoại quan 10%	Độ bôi trơn	Tỷ trọng (15/4°C)	pH (10%)	Hợp kim thép	Hợp kim phi thép	Ứng dụng
SHL SAMSOL EC-1	Nhũ tương trắng sữa	○	0.93	10.1		✓	Vật liệu chính: Cu
SHL SAMSOL KF 600EP	Bán trong suốt	◎	1.00	9.6	✓	✓	Cắt cứng cho thép, thép hợp kim

2. LOẠI BÁN TỔNG HỢP

Sản phẩm	Ngoại quan 10%	Độ bôi trơn	Tỷ trọng (15/4°C)	pH (10%)	Hợp kim thép	Hợp kim phi thép	Ứng dụng
SHL SAMSOL KF3A	Trong suốt	○	1.04	9.1	✓	✓	Cắt & mài cho Nhôm
SHL SAMSOL KF3E	Trong suốt	○	1.03	9.6	✓		Cắt & mài Đúc sắt, thép
SHL SAMSOL KF3HV	Trong suốt	○	1.05	9.8	✓		Cắt & mài Đúc sắt, thép

3. LOẠI TỔNG HỢP

3.1. LOẠI TỔNG HỢP THÔNG THƯỜNG: CẮT - MÀI

Sản phẩm	Ngoại quan 10%	Độ bôi trơn	Tỷ trọng (15/4°C)	pH (10%)	Hợp kim thép	Hợp kim phi thép	Ứng dụng
SHL SAMSOL S-401E	Trong suốt	○	1.05	9.1	✓		Mài cho ổ trục
SHL SAMSOL S-401K	Trong suốt	○	1.04	9.5	✓		Cắt & mài đúc sắt, thép
SHL SAMSOL S-601	Trong suốt	○	1.05	9.6	✓		Cắt & mài đúc sắt, thép

3.2. LOẠI TỔNG HỢP THÔNG THƯỜNG: MÀI

Sản phẩm	Ngoại quan 10%	Độ bôi trơn	Tỷ trọng (15/4°C)	pH (10%)	Hợp kim thép	Hợp kim phi thép	Ứng dụng
SHL SAMSOL S9G	Trong suốt	△	1.06	10.1	✓		Mài
SHL SAMSOL SBC2	Trong suốt	△	1.06	10.1	✓		Mài

II. DẦU CẮT GỌT KHÔNG PHA NƯỚC

DẦU CẮT GỌT KHÔNG PHA NƯỚC SHL được sản xuất bằng cách phối trộn giữa các loại dầu khoáng đặc biệt và các chất phụ gia cực áp (EP). Các chất phụ gia này nâng cao hiệu quả với các ứng suất khác nhau từ nhẹ đến nặng đối với các ứng dụng khoan lỗ sâu, gia công rãnh, ta rô, cắt hạng nặng và gia công chung gian và thép hợp kim cao. Hàm lượng phụ gia EP cao nâng cao tuổi thọ thiết bị. Dầu cắt gọt không pha nước SHL thích hợp để mài, doa, bào và cắt cho vật liệu đồng, thép thông thường, nhôm, hợp kim đồng, Inox, Titan và Vonfram.

- Các sản phẩm này được phát triển để đáp ứng nhu cầu liên tục về tốc độ cắt lớn hơn.
- Những sản phẩm này có chứa lưu huỳnh (hoạt tính và không hoạt tính). Công nghệ phụ gia tiên tiến mang lại đặc tính bôi trơn áp suất cực cao (EP), giảm chi phí sản xuất và kéo dài tuổi thọ thiết bị.



SHL HONING _
SHL FOUNTCUT _
SHL SAMIST _
SHL SAMTER _
SHL EDM _



1. DẦU CẮT GỌT KHÔNG PHA NƯỚC

Sản phẩm		Chlorine	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Ăn mòn Đồng	Hợp kim thép	Hợp kim phi thép	Ứng dụng
HONING	SHL HONING 70	X	0.84	4	>100	1	✓	✓	Mài lỗ cho SUS
	SHL HONING 7P	X	0.84	8	>100	1	✓	✓	Mài lỗ cho nhôm, đồng/hợp kim kẽm, SUS
	SHL HONING 10V	X	0.84	10	-	-	✓		Mài lỗ cho hợp kim thép
	SHL HONING 13V	X	0.84	13	>100	1	✓	✓	Mài lỗ cho nhôm, đồng/hợp kim kẽm, SUS
	SHL HONING 26V	X	0.84	26	>100	1	✓	✓	Mài lỗ cho nhôm, đồng/hợp kim kẽm, SUS
FOUTCUT	SHL FOUNT CUT 2AL	X	0.79	2	>80	1		✓	Tiện cho nhôm, đồng/hợp kim kẽm
	SHL FOUNT CUT 60N3	X	0.85	12	>150	1	✓	✓	Tiện cho hợp kim thép, nhôm, đồng/hợp kim kẽm
	SHL FOUNTCUT 2G	X	0.81	2	-	-		✓	Cắt kính
	SHL FOUNT CUT 11B	X	0.87	11	>150	1	✓	✓	Cắt cho hợp kim thép, nhôm, đồng/hợp kim kẽm, SUS và Ti/W
	SHL FOUNT CUT 15B3-1	X	0.86	15	≥150	2	✓	✓	Cắt cho hợp kim thép, nhôm, đồng/hợp kim kẽm, SUS và Ti/W

Sản phẩm		Chlorine	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Ăn mòn Đồng	Hợp kim thép	Hợp kim phi thép	Ứng dụng
FOUNT CUT	SHL FOUNTCUT 32B	X	0.89	32	≥200	1	✓	✓	Cắt cho hợp kim thép, nhôm, đồng/hợp kim kẽm, SUS và Ti/W
	SHL FOUNTCUT 4525I	X	0.88	34	≥150	4	✓	✓	Ta rô cho hợp kim thép và SUS
	SHL FOUNTCUT 4525	X	0.88	32	≥150	4	✓	✓	Ta rô cho hợp kim thép và SUS
	SHL FOUNTCUT 4530V-2	X	0.89	30	≥150	4	✓	✓	Ta rô cho hợp kim thép và SUS
	SHL FOUNTCUT 4213	O	0.91	13	≥150	4	✓	✓	Khoan lỗ sâu cho hợp kim thép, nhôm, SUS
	SHL FOUNTCUT 150TB	O	0.91	14	≥150	3	✓	✓	Doa cho hợp kim thép, SUS
	SHL FOUNTCUT 300TB	O	0.91	28	≥150	3	✓	✓	Doa cho hợp kim thép, SUS
	SHL FOUNTCUT 2221	O	0.86	22	≥150	1	✓	Có điều kiện	Gia công bánh răng và máy chuyên dụng cho hợp kim thép, nhôm, SUS
	SHL FOUNTCUT 2228	O	0.92	28	≥150	1	✓	Có điều kiện	Gia công bánh răng và máy chuyên dụng cho hợp kim thép, nhôm, SUS

2. DẦU MQL

Sản phẩm	Chlorine	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Ăn mòn Đồng	Hợp kim thép	Nhôm	Đồng/Hợp kim kẽm	SUS
SHL SAMIST 226EP	O	0.88	26	≥150	1	✓	✓		
SHL SAMIST 700	X	0.88	700	>250	1	-	-	-	-
SHL SAMIST 1000	X	0.90	1000	>270	1	-	-	-	-
SHL SAMSTER T2600	X	0.9	26	≥250	1	✓	✓	✓	
SHL SAMSTER T4600	X	0.91	648	≥300	1	✓	✓	✓	

3. DẦU EDM

Sản phẩm	Chlorine	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Ăn mòn Đồng	Hợp kim thép	Nhôm	Đồng/Hợp kim kẽm	SUS
SHL EDM 30	X	0.80	1.8	≥80	1		✓		
SHL EDM 32	X	0.80	2.0	≥80	1		✓		
SHL EDM 34	X	0.81	2.3	≥100	1		✓		

III. DẦU ĐỊNH HÌNH



DẦU ĐỊNH HÌNH SHL là sản phẩm dùng cho quá trình ép, đục lỗ, định hình và dập. Dầu định hình SHL thích hợp cho kim loại đen, kim loại màu, bao gồm cả inox (SUS) và được chia thành 2 loại: dầu định hình không pha nước và dầu định hình pha nước. Các loại dầu định hình kim loại thích hợp được chọn theo phương pháp gia công, vật liệu, thành phần và độ khó quá trình gia công.

Các sản phẩm này được ứng dụng để sản xuất nhiều sản phẩm: ví dụ như dầu trong kéo ống và dây điện, dầu trong dập các bộ phận ô tô và điện tử, sử dụng trong sản xuất bu lông và đai ốc, các bộ phận khác trong máy móc và thiết bị gia dụng.

SHL DRAW _

SHL PUNCH _

SHL PRESS _

SHL THREAD _

SHL HEADING _

SHL WIRE DRAW _



1. DẦU KÉO – PRESS OIL

1.1. DẦU CHO KIM LOẠI SẮT – HỢP KIM THÉP

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Chlorine	Sulfur	Ăn mòn Đồng	Ứng dụng
SHL DRAW 30 HA	Đen	1.00	30	>100	O	O	1	Định hình sâu, nén và dập
SHL DRAW 150HA	Đen	1.11	168	>150	O	O	1	Kéo dập sâu và blanking
SHL DRAW V150HA-2	Nâu đen trong suốt	1.08	166	>160	O	O	1	Kéo dập sâu và blanking
SHL DRAW 2047L-3	Nâu vàng trong suốt	1.00	129	>240	O	O	1	
SHL DRAW 700BD	Vàng nâu trong suốt	1.06	53	>188	O	O	3	

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Chlorine	Sulfur	Ăn mòn Đồng	Ứng dụng
SHL DRAW 15KD	Vàng trong suốt	0.85	15	-	X	O	-	
SHL DRAW 50N	Trắng trong suốt	0.87	55	>210	X	X	-	
SHL DRAW 1300A	Vàng nâu trong suốt	0.98	122	>230	O	O	1	

1.2. DẦU CHO KIM LOẠI MÀU

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Chlorine	Sulfur	Ăn mòn Đồng	Ứng dụng
SHL PRESS 6L	Vàng nhạt trong suốt	0.83	6	>150	X	O	1	
SHL PRESS 12L	Vàng nhạt trong suốt	0.87	12	>150	X	O	1	Dập và uốn
SHL DRAW 43CF	Vàng trong suốt	0.89	43	-	X	O	-	Kéo và uốn

2. DẦU HEADING

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Chlorine	Sulfur	Ăn mòn Đồng	Ứng dụng
SHL THREAD 1	Vàng nhạt trong suốt	0.85	29	>220	X	O	1	
SHL HEADING PRO 6H-1	Nâu trong suốt	0.92	57	>220	O	O	1	Rèn nguội cho thép, SUS
SHL HEADING 100P	Vàng trong suốt	0.89	100	>200	X	O	1	
SHL HEADING 150P	Vàng trong suốt	0.89	110	>200	X	O	1	
SHL HEADING 170P	Vàng trong suốt	0.89	136	>200	X	O	1	
SHL HEADING L325	Nâu trong suốt	0.91	116	>220	O	O	1	Rèn nguội cho thép, SUS

3. DẦU DẬP BAY HƠI NHANH

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (40°C)	Ăn mòn Đồng	Hợp kim thép	Nhôm	Đồng/Hợp kim kẽm	SUS
SHL PUNCH 200H	Trong suốt	0.79	1.1	42	1		✓	✓	
SHL PUNCH 540	Trong suốt	0.81	2.3	108	1	✓	✓		✓
SHL PUNCH 6000	Vàng nhạt trong suốt	0.77	1.6	59	1		✓	✓	

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (40°C)	Ăn mòn Đồng	Hợp kim thép	Nhôm	Đồng/ Hợp kim kẽm	SUS
SHL PUNCH F1	Trong suốt	0.77	1.5	60	1	✓	✓	✓	
SHL PUNCH G010	Trong suốt	0.76	1.3	38	1	✓	✓	✓	
SHL PUNCH G010-1	Trong suốt	0.76	1.3	38	1	✓	✓	✓	
SHL PUNCH G020	Trong suốt	0.77	1.5	45	1	✓	✓	✓	
SHL PUNCH H	Trong suốt	0.77	1.5	62	1	✓	✓	✓	
SHL PUNCH H-1	Trong suốt	0.77	1.3	58	1	✓	✓	✓	
SHL PUNCH H-2	Trong suốt	0.77	1.5	55	1	✓	✓	✓	
SHL PUNCH H-3	Trong suốt	0.77	1.6	55	1	✓	✓	✓	
SHL PUNCH HN	Trong suốt	0.79	1.3	54	1	✓	✓	✓	
SHL PUNCH K5	Trong suốt	0.75	1.5	-	-	-	-	-	-
SHL PUNCH K9HS	Trong suốt	0.79	1.7	60	1	✓	✓	✓	
SHL PUNCH M1	Vàng nhạt trong suốt	0.79	1.9	79	1	✓	Có điều kiện		✓
SHL PUNCH M2	Vàng nhạt trong suốt	0.79	2.1	79	1	✓	Có điều kiện		✓
SHL PUNCH Q4T	Trong suốt	0.77	1.6	62	1	✓	Có điều kiện		✓
SHL PUNCH Q6	Vàng sáng trong suốt	0.78	1.6	-	-	-	-	-	-

4. DẦU KÉO DÂY – WIRE DRAW

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (40°C)	Ăn mòn Đồng	Hợp kim thép	Nhôm	Đồng/ Hợp kim kẽm	SUS
SHL WIRE DRAW 240	Vàng trong suốt	0.87	24	>200	1	✓			✓

5. DẦU KÉO ỐNG – PIPE DRAWING

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (40°C)	Ăn mòn Đồng	Hợp kim thép	Nhôm	Đồng/ Hợp kim kẽm	SUS
SHL DRAW 460 S	Vàng trong suốt	0.91	460	>200	1	✓	✓	✓	
SHL DRAW 120AL	Vàng trong suốt	0.89	120	>220	1	-	-	-	-
SHL DRAW 800AL	Nâu	0.9	800	>200	1		✓	✓	
SHL DRAW 7000S	Nâu	1.03	6600	>200	1	✓			✓

DẦU CHỐNG GỈ SHL tạo thành một lớp dầu trên bề mặt kim loại và bảo vệ nó khỏi bị ăn mòn bằng cách ngăn tiếp xúc với nước, hơi ẩm và khí độc hại (oxit lưu huỳnh). Dầu chống gỉ SHL được chia thành dầu chống gỉ loại dung môi, dầu chống gỉ loại dầu, dầu chống gỉ pha nước và mỡ chống gỉ. Dầu chống gỉ được lựa chọn dựa trên vật liệu sử dụng, thời gian chống gỉ mong muốn, phương pháp sử dụng và phương pháp bảo quản thành phẩm.

Một số tính năng bao gồm:

- Đặc tính chống ố
- Bảo vệ tuyệt vời trong môi trường muối và độ ẩm. Có khả năng chống oxi hóa và ăn mòn.
- Độ nhớt thấp và khả năng làm việc tuyệt vời
- Dễ dàng áp dụng



1. LOẠI DUNG MÔI

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Độ dày màng dầu (μm)	Chu kỳ chống gỉ	Test phun muối (giờ)	Phương pháp sử dụng
SHL SAMLEX PR 2232	Vàng sáng trong suốt	0.82	3.2	>110	-	-	0.8	Phun, Ngâm, Quét
SHL SAMLEX PR 2232A	Trắng trong suốt	0.82	3.2	-	-	-	0.5	Phun, Ngâm, Quét
SHL SAMLEX 2256 (S)	Nâu	0.86	5.7	>100	6~7	<1 tháng	8	Phun, Ngâm, Quét
SHL SAMLEX 2212T	Nâu	0.79	1.2	>45	-	1 – 2 tháng	12	Phun, Ngâm, Quét
SHL SAMLEX 4616S	Nâu	0.80	1.6	>40	2~3	3~4 tháng	36	Phun, Ngâm, Quét
SHL SAMLEX 5060GD	Nâu	0.77	1.5	>60	1~2	3~4 tháng	36	Phun, Ngâm, Quét
SHL SAMLEX 48M	Nâu	0.80	2.5	>80	2~3	4~6 tháng	48	Phun, Ngâm, Quét
SHL SAMLEX HP 5025V	Nâu	0.81	2.5	>40	3~4	4~6 tháng	48	Phun, Ngâm, Quét
SHL SAMLEX HP 8026	Nâu	0.83	2.9	>45	-	6 tháng	100	Phun, Ngâm, Quét
SHL SAMLEX 5120K	Nâu	0.82	3.2	>40	4~5	6 tháng	120	Phun, Ngâm, Quét

2. LOẠI MỪ CHỐNG GỈ

Sản phẩm	Ngoại quan	Test xuyên tĩnh (25°C)	Điểm nóng chảy	Điểm chớp cháy (°C)	Điểm nhỏ giọt	Chu kỳ chống gỉ	Test phun muối (giờ)	Phương pháp sử dụng
SHL SAMLEX WAXY 70A	Nâu	207	65	>250	73	>12 tháng	>150	Quét
SHL WAXY 70K	Bán rắn	-	-	≥230	76	-	>162	Quét
SHL WAXY 70K5	Bán rắn	-	-	≥230	-	-	>170	Quét

3. LOẠI DẦU

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Độ dày màng dầu (μm)	Chu kỳ chống gỉ	Test phun muối (giờ)	Phương pháp sử dụng
SHL SAMLEX 13	Nâu	0.88	13	>150	—	<1 tháng	12	Ngâm, Quét

4. LOẠI PHA NƯỚC

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Độ dày màng dầu (μm)	Chu kỳ chống gỉ	Test phun muối (giờ)	Phương pháp sử dụng
SHL SAMLEX WED 300K	Màu trắng trong suốt	1.05	10	29	0a	<1 tuần	—	Phun, Ngâm
SHL SAMLEX WED 500K	Màu trắng trong suốt	1.07	10	42	0a	<1 tuần	—	Phun, Ngâm
SHL SAMLEX WED 2000	Màu vàng nhạt	1.03	8.1	38	0a	<1 tuần	—	Phun, Ngâm

[MEMO]

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

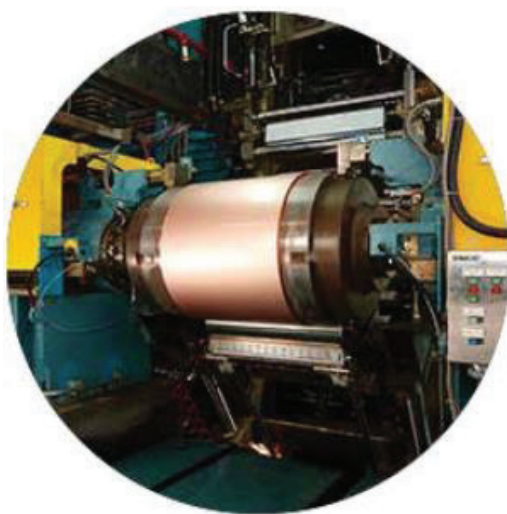
.....



DẦU CÁN SHL bao gồm dầu cán nóng và dầu cán nguội. Dầu được bôi trơn trên bề mặt và ở phần tiếp xúc giữa các con lăn và vật cán, giúp giảm thiểu ma sát trong khi vẫn duy trì các đặc tính làm mát. Các sản phẩm đã được tối ưu hóa dựa trên các đặc điểm của máy nghiền. Sản phẩm bao gồm nhiều loại phụ gia khác nhau được lựa chọn dựa trên điều kiện và đặc điểm môi trường làm việc.

Một số tính năng bao gồm:

- Đảm bảo quá trình cán với độ nhớt thích hợp.
- Hiệu suất làm mát vượt trội (Giảm nhiệt ma sát giữa cuộn và tấm).
- Dễ dàng loại bỏ cặn oxit giữa cuộn và tấm
- Tính ổn định oxy hóa tuyệt vời.
- Khả năng chống bám dầu tuyệt vời.



SHL ROLL _



1. DẦU CÁN NHÔM

1.1. DẦU CÁN NGUỘI CHO NHÔM

Sản phẩm	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chưng cất (IBP/FBP)	Ăn mòn đồng
SHL ROLL 32 ADD	0.8	1.7	>79	<-20	200/260	1
SHL ROLL 34 ADD	0.81	2.4	>100	<-20	230/260	1
SHL ROLL OIL 36V	0.81	2.7	>106	<18	246/274	1
SHL ROLL AR 350V	0.84	7.9	>142	<18	-	-

1.2. DẦU CÁN NÓNG CHO NHÔM

Sản phẩm	Ngoại quan 10%	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	pH	Ứng dụng
SHL ROLL RH 33 DH	Nhũ tương trắng sữa	0.92	30	7.0	

2. DẦU CÁN CHO THÉP VÀ INOX

2.1. DẦU CÁN THÉP

Sản phẩm	Ngoại quan 10%	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	pH	Ứng dụng
SHL ROLL WED E1	Nhũ tương trắng sữa	0.95	-	10.2	Dầu cán pha nước
SHL ROLL WED 100 HM	Nhũ tương trắng sữa	0.97	-	9.9	Dầu cán pha nước

2.2. DẦU CÁN INOX

Sản phẩm	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Điểm đông đặc (°C)	Chỉ số xà phòng hóa	Ăn mòn đồng	Ứng dụng
SHL ROLL S-100F	0.84	8	>150	<-10	32	1	POSCO
SHL ROLL S-120F	0.84	10	>150	<-10	28	1	Hyundai BNG Steel
SHL ROLL SC 0001	0.77	1.9	>60	<-20	-	1	POSCO VST

DẦU TẮY RỬA SHL được sử dụng để loại bỏ phần còn sót lại trên bề mặt vật liệu như dầu, mỡ và mảnh vụn có thể gây ăn mòn hoặc nhiễm bẩn và ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình gia công. Các sản phẩm tẩy rửa SHL được chia thành dầu tẩy rửa pha nước và dầu tẩy rửa không pha nước. Dầu tẩy rửa được lựa chọn dựa trên phương pháp làm sạch và điều kiện quy trình yêu cầu. Sản phẩm với ưu điểm vượt trội ít mùi và tính năng carbon thấp.

Một số tính năng bao gồm:

- Khả năng tẩy rửa tuyệt vời
- Chống gỉ tuyệt vời (Hiệu quả chống gỉ tuyệt vời giữa các quá trình)
- Thời gian khô nhanh chóng và thời gian chống gỉ đáp ứng yêu cầu cho sản phẩm của khách hàng.



SHL CLEAN _

SHL WHITE _



1. DẦU TẮY RỬA PHA NƯỚC

1.1. DÙNG CHO HỢP KIM THÉP

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	pH	Nồng độ (%)	Nhiệt độ (°C)	Hợp kim thép	Nhôm	Đồng/ Hợp kim kẽm	Phương pháp sử dụng
SHL CLEAN 100E	Trong suốt không màu	1.04	10.4	3~5	>40	✓	–	Có điều kiện	Ngâm, Siêu âm, Xịt

1.2. DÙNG CHO KIM LOẠI SẮT THÉP VÀ KIM LOẠI MÀU

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	pH	Nồng độ (%)	Nhiệt độ (°C)	Hợp kim thép	Nhôm	Đồng/ Hợp kim kẽm	Phương pháp sử dụng
SHL CLEAN GK	Trong suốt không màu	1.05	9.8	3~7	<30	✓	Có điều kiện	Có điều kiện	Xịt
SHL CLEAN 90E	Trong suốt không màu	1.04	9.1	3~5	>40	✓	Có điều kiện	Có điều kiện	Ngâm, Xịt
SHL CLEAN 100A	Trong suốt không màu	1.02	9.4	3~5	>40	✓	✓	Có điều kiện	Ngâm, Siêu âm, Xịt
SHL CLEAN 300	Trong suốt không màu	1.00	7.8	3~7	<30	✓	✓	Có điều kiện	Ngâm, Xịt

1.3. DẦU TẮY RỬA SÀN

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4 ⁰ C)	pH	Nồng độ (%)	Nhiệt độ (°C)	Hợp kim thép	Nhôm	Đồng/ Hợp kim kẽm	Phương pháp sử dụng
SHL CLEAN X	Trong suốt không màu	1.05	12.3	Có điều kiện	>40	✓	Có điều kiện	Có điều kiện	Ngâm, Xịt

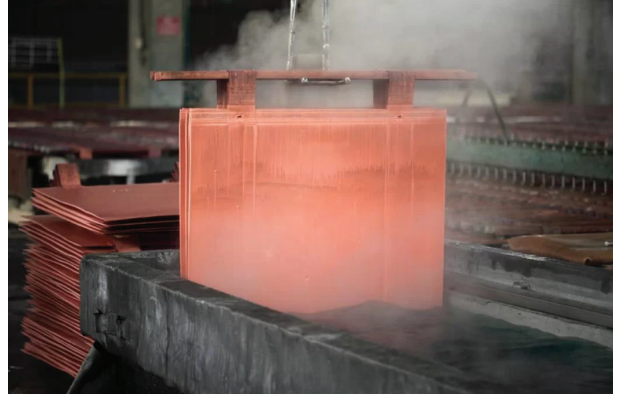
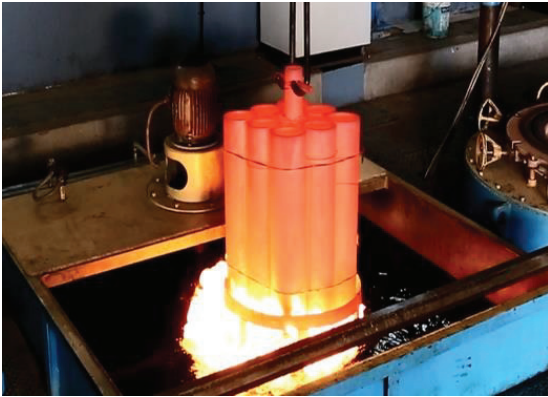
2. DẦU TẮY RỬA KHÔNG PHA NƯỚC

LOẠI HYDROCARBON

Sản phẩm	Mùi	Tỷ trọng (15/4 ⁰ C)	Độ nhớt (40 ⁰ C)	Điểm chớp cháy (40 ⁰ C)	Hợp kim thép	Nhôm	Đồng/Hợp kim kẽm	Phương pháp sử dụng
SHL WHITE 200L	X	0.77	1	41	✓	✓	✓	Ngâm, Siêu âm, Xịt, Thủ công
SHL WHITE 200K	X	0.79	1.1	53	✓	✓	✓	Ngâm, Siêu âm, Xịt, Thủ công
SHL WHITE 200D	X	0.77	1	40	✓	✓	✓	Ngâm, Siêu âm, Xịt, Thủ công
SHL WHITE 210	X	0.8	1.6	80	✓	✓	✓	Ngâm, Siêu âm, Xịt, Thủ công
SHL WHITE 250	X	0.81	2.3	106	✓	✓	✓	Ngâm, Siêu âm, Xịt, Thủ công
SHL WHITE 300	X	0.8	2.9	126	✓	✓	✓	Ngâm, Siêu âm, Xịt, Thủ công
SHL WHITE 100D	O	0.74	1.1	39	✓	✓	✓	Ngâm, Siêu âm, Xịt, Thủ công
SHL WHITE 200M	O	0.76	1.4	58	✓	✓	✓	Ngâm, Siêu âm, Xịt, Thủ công
SHL WHITE 200M-1	O	0.75	1.2	47	✓	✓	✓	Ngâm, Siêu âm, Xịt, Thủ công
SHL WHITE 200MO	O	0.76	1.3	47	✓	✓	✓	Ngâm, Siêu âm, Xịt, Thủ công



VII. DẦU XỬ LÝ NHIỆT



DẦU XỬ LÝ NHIỆT SHL là dầu rất quan trọng trong quá trình nhiệt luyện, với khả năng làm mát nhanh sau quá trình gia nhiệt, giúp tăng các tính năng như tăng độ cứng, tăng độ dẻo dai, tăng khả năng chống mài mòn và khả năng chịu tải đối với thép và các kim loại khác. Dầu sử dụng phụ thuộc vào kim loại được xử lý nhiệt.

Các tính năng chính của dầu xử lý nhiệt SHL là kiểm soát nhiệt độ và khả năng làm mát nhanh đối với vật liệu.

- SHL QUENCH _
- SHL MARQUENCH _
- SHL SOL-QUENCH _



1. LOẠI NGUỘI

Sản phẩm	Ngoại quan	Độ nhớt (40°C)	Độ nhớt (100°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Nhiệt độ (°C)	Nhiệt độ đặc biệt (°C)	Thời gian làm mát (800-400°C)
SHL QUENCH 100A	Đen	16	3.8	>200	60~80	615	2.6
SHL QUENCH 100B	Đen	18	4.0	>200	60~80	615	2.8

DẦU CÔNG NGHIỆP SHL được phát triển để sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp khác nhau. Dầu công nghiệp SHL bao gồm các loại dầu thủy lực chất lượng cao, dầu bánh răng, dầu máy, dầu trượt, dầu trục, dầu máy nén, dầu tuabin và dầu bơm chân không với các cấp độ nhớt ISO khác nhau.



1. DẦU THỦY LỰC

DẦU THỦY LỰC SHL có đặc tính ít thay đổi độ nhớt theo nhiệt độ và cho thấy khả năng bôi trơn tuyệt vời. Sản phẩm rất bền trước lực cắt cơ học.

DẦU THỦY LỰC SHL được chia thành nhiều loại và đáp ứng nhiều yêu cầu khác nhau. Dầu thủy lực SHL bao gồm loại R&O, loại chống mài mòn, chống mài mòn đặc biệt, chỉ số độ nhớt cao, chỉ số độ nhớt siêu cao, không chứa Zn, van Servo và loại chống cháy như loại chống cháy hòa tan trong nước và loại tổng hợp (polyol ester).

SHL SYNTHDRO _

1.1. LOẠI R&O

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Cao su Nitrile	Cao su PE
SHL SYNTHDRO 32	Vàng nhạt trong suốt	0.85	32	107	<-20	>220	✓	
SHL SYNTHDRO 46	Vàng nhạt trong suốt	0.86	46	110	<-20	>220	✓	
SHL SYNTHDRO 68	Vàng nhạt trong suốt	0.86	68	109	<-20	>220	✓	
SHL SYNTHDRO 100	Vàng nhạt trong suốt	0.87	100	102	<-20	>220	✓	
SHL SYNTHDRO 150	Vàng nhạt trong suốt	0.88	150	100	<-20	>220	✓	

1.2. LOẠI CHỐNG MÀI MÒN

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Cau su Nitrile	Cao su PE
SHL SYNTHDRO 22AW	Vàng nhạt trong suốt	0.85	22	107	<-20	>220	✓	
SHL SYNTHDRO 32AW	Vàng nhạt trong suốt	0.85	32	110	<-20	>220	✓	
SHL SYNTHDRO 46AW	Vàng nhạt trong suốt	0.86	46	112	<-20	>220	✓	
SHL SYNTHDRO 46AW-C	Trắng trong suốt	0.86	46	-	-	-	-	-
SHL SYNTHDRO 68AW	Vàng nhạt trong suốt	0.86	68	110	<-20	>220	✓	
SHL SYNTHDRO 100AW	Vàng nhạt trong suốt	0.87	100	108	<-20	>220	✓	
SHL SYNTHDRO 150 AW	Vàng nhạt trong suốt	0.88	150	108	<-20	>220	✓	
SHL SYNTHDRO 220AW	Vàng nhạt trong suốt	0.88	220	102	<-20	>220	✓	
SHL SYNTHDRO 320AW	Vàng nhạt trong suốt	0.88	320	102	<-20	>220	✓	

1.3. LOẠI CHỐNG MÀI MÒN ĐẶC BIỆT

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Cau su Nitrile	Cao su PE
SHL SYNTHDRO SPECIAL 32	Vàng nhạt trong suốt	0.85	32	122	<-30	>220	✓	✓
SHL SYNTHDRO SPECIAL 46	Vàng nhạt trong suốt	0.86	46	129	<-30	>240	✓	✓
SHL SYNTHDRO SPECIAL 68	Vàng nhạt trong suốt	0.86	68	122	<-30	>250	✓	✓

1.4. LOẠI CHỈ SỐ ĐỘ NHỚT CAO

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Cau su Nitrile	Cao su PE
SHL SYNTHDRO 32HV	Vàng nhạt trong suốt	0.87	32	138	<-30	>220	✓	✓
SHL SYNTHDRO 46HV	Vàng nhạt trong suốt	0.87	46	145	<-30	>220	✓	✓
SHL SYNTHDRO 68HV	Vàng nhạt trong suốt	0.87	68	148	<-30	>220	✓	✓

1.5. LOẠI CHỈ SỐ ĐỘ NHỚT SIÊU CAO

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Cau su Nitrile	Cao su PE
SHL SYNTHDRO SPECIAL K32SV	Vàng trong suốt	0.84	32	>160	<-30	>220	✓	✓
SHL SYNTHDRO SPECIAL K46SV	Vàng trong suốt	0.85	46	>160	<-30	>220	✓	✓
SHL SYNTHDRO SPECIAL K68SV	Vàng trong suốt	0.85	68	>160	<-30	>220	✓	✓

1.6. LOẠI KHÔNG KỀM

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Cau su Nitrile	Cao su PE
SHL SYNTHDRO 32AF	Vàng nhạt trong suốt	0.86	32	109	<-20	>220	✓	✓
SHL SYNTHDRO 46AF	Vàng nhạt trong suốt	0.86	46	111	<-30	>220	✓	✓
SHL SYNTHDRO 68AF	Vàng nhạt trong suốt	0.86	68	108	<-30	>220	✓	✓

1.7. LOẠI SERVO VALVE

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Cau su Nitrile	Cao su PE	NAS
SHL SYNTHDRO SPECIAL 32SV	Vàng nhạt trong suốt	0.85	32	129	<-20	>220	✓	✓	7
SHL SYNTHDRO SPECIAL 46SV	Vàng nhạt trong suốt	0.85	46	129	<-20	>220	✓	✓	7
SHL SYNTHDRO SPECIAL 68SV	Vàng nhạt trong suốt	0.85	68	129	<-20	>220	✓	✓	7
SHL SYNTHDRO SPECIAL 100SV	Vàng nhạt trong suốt	0.85	100	129	<-20	>220	✓	✓	7

1.8. LOẠI CHỐNG CHÁY PHA NƯỚC

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Cau su Nitrile	Cao su PE
SHL SYNTHDRO FRW 38A	Trắng trong suốt	1.09	38	200	<-30	-	✓	-
SHL SYNTHDRO FRW 46A	Trắng trong suốt	1.09	46	210	<-30	-	✓	-
SHL SYNTHDRO FRW 68A	Trắng trong suốt	1.09	68	220	<-40	-	✓	-

1.9. LOẠI CHỐNG Ô

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Cau su Nitrile	Cao su PE
SHL SAMIST 32NS	Trắng trong suốt	0.84	32	185	-	-	-	-

1.10. LOẠI CHỐNG CHÁY POLY ESTER

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm chớp cháy (°C)	Cao su Nitrile	Cao su PE	KOREA GREEN MARK
SHL SYNTHDRO FR 32	Vàng hoặc nâu trong suốt	0.91	32	190	>290	✓	✓	✓
SHL SYNTHDRO FR 46	Vàng hoặc nâu trong suốt	0.91	46	190	>290	✓	✓	✓
SHL SYNTHDRO FR 68	Vàng hoặc nâu trong suốt	0.92	68	180	>290	✓	✓	✓
SHL SYNTHDRO FR 100	Vàng hoặc nâu trong suốt	0.93	100	180	>290	✓	✓	✓

2. DẦU BÁNH RĂNG

DẦU BÁNH RĂNG SHL có thể được ứng dụng cho nhiều loại thiết bị khác nhau như các bộ giảm tốc kiểu kín, bôi trơn các loại bánh răng cỡ lớn và bôi trơn tuần hoàn vòng bi chịu áp lực thủy tĩnh tải trọng cao. Nó ngăn ngừa hư hỏng bánh răng và nâng cao tuổi thọ bánh răng, tải trọng, tỷ lệ tốc độ, v.v.

DẦU BÁNH RĂNG SHL sử dụng dầu gốc có độ tinh khiết cao với các phụ gia được lựa chọn cẩn thận như các chất chịu cực áp có chứa lưu huỳnh, và có thể bảo vệ hiệu quả thiết bị khỏi tải cực cao.



SHL GEAR _

2.1. DẦU BÁNH RĂNG

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Ăn mòn Đồng	Chống gỉ	Chống ăn mòn
SHL GEAR 68	Vàng nhạt trong suốt	0.87	68	100	<-20	>240	1a	* *	* *
SHL GEAR 100	Vàng nhạt trong suốt	0.87	100	100	<-20	>240	1a	* *	* *
SHL GEAR 150	Vàng trong suốt	0.89	150	93	<-15	>240	1a	* *	* *
SHL GEAR 220	Vàng trong suốt	0.89	220	96	<-20	>240	1a	* *	* *
SHL GEAR 320	Vàng trong suốt	0.9	320	93	<-10	>250	1a	* *	* *
SHL GEAR 460	Vàng trong suốt	0.9	460	98	<-10	>260	1a	* *	* *
SHL GEAR 680	Vàng trong suốt	0.91	680	98	<-10	>300	1a	* *	* *

2.2. DẦU BÁNH RĂNG CHỐNG MÀI MÒN

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Ăn mòn Đồng	Chống gỉ	Chống ăn mòn
SHL GEAR 68AW	Vàng bán trong suốt	0.89	68	100	<-10	>250	1a	* * *	* * *
SHL GEAR 100AW	Vàng bán trong suốt	0.89	100	100	<-10	>250	1a	* * *	* * *
SHL GEAR 150AW	Vàng bán trong suốt	0.89	150	105	<-10	>250	1a	* * *	* * *
SHL GEAR 220AW	Vàng bán trong suốt	0.89	220	94	<-10	>250	1a	* * *	* * *
SHL GEAR 320AW	Vàng bán trong suốt	0.9	320	110	<-10	>250	1a	* * *	* * *
SHL GEAR 460AW	Vàng bán trong suốt	0.89	460	107	<-10	>250	1a	* * *	* * *
SHL GEAR 680AW	Vàng bán trong suốt	0.9	680	108	<-10	>250	1a	* * *	* * *

3. DẦU MÁY

DẦU MÁY SHL bao gồm dầu gốc được lựa chọn cẩn thận dùng cho các mục đích thiết bị công nghiệp khác nhau. Sản phẩm với nhiều cấp độ nhớt khác nhau, có các đặc tính nổi bật như độ ổn định oxy hóa, chống mài mòn, chống ăn mòn và khả năng bôi trơn tuyệt vời.

DẦU MÁY SHL được pha chế đặc biệt để sử dụng cho các loại máy móc, các bộ phận chuyển động như bánh xe, băng tải, động cơ nhỏ, bán lẻ, ốc vít và quạt.



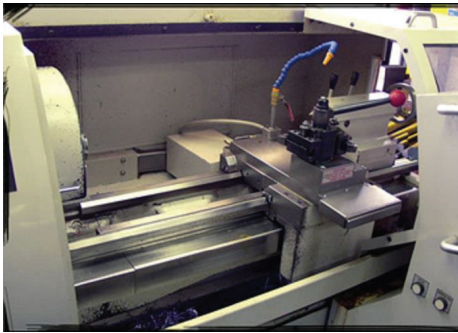
SHL MACHINE_

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Ăn mòn Đồng	Chống gỉ	Chống ăn mòn
SHL MACHINE 32	Vàng nhạt trong suốt	0.87	32	102	<-20	>200	1a	*	*
SHL MACHINE 46	Vàng nhạt trong suốt	0.87	46	103	<-10	>200	1a	*	*
SHL MACHINE 68	Vàng nhạt trong suốt	0.87	68	103	<-10	>220	1a	*	*
SHL MACHINE 100	Vàng nhạt trong suốt	0.88	100	102	<-20	>220	1a	*	*
SHL MACHINE 220	Vàng nhạt trong suốt	0.88	220	100	<-10	>240	1a	*	*
SHL MACHINE 220CR	Vàng trong suốt	0.88	220	100	<-10	>240	1a	*	*

4. DẦU RÃNH TRƯỢT

DẦU RÃNH TRƯỢT SHL được ứng dụng để vận hành ổn định trên các bề mặt trượt của máy công cụ, máy chính xác, máy nâng hạ và vận chuyển trong công nghiệp.

DẦU RÃNH TRƯỢT SHL làm giảm hệ số ma sát và nâng cao hiệu suất bằng cách kết hợp dầu gốc bôi trơn chọn lọc và phụ gia tiên tiến. Nó có thể bảo vệ các bộ phận bằng cách cải thiện hiệu suất bề mặt trượt và tăng độ chính xác. Sản phẩm với hiệu suất chống mài mòn, độ bám dính và độ bôi trơn tuyệt vời.



SHL SYNTHWAY_

4.1. DẦU RÃNH TRƯỢT THÔNG THƯỜNG

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Ăn mòn Đồng	Chống gỉ	Chống ăn mòn
SHL SYNTHWAY 32M	Vàng nhạt trong suốt	0.87	32	112	<-30	>220	1b	* *	* *
SHL SYNTHWAY 46M	Vàng nhạt trong suốt	0.86	46	106	<-20	>220	1b	* *	* *
SHL SYNTHWAY 68M	Vàng nhạt trong suốt	0.87	68	105	<-20	>240	1b	* *	* *
SHL SYNTHWAY 100M	Vàng nhạt trong suốt	0.87	100	100	<-20	>240	1b	* *	* *
SHL SYNTHWAY 220M	Vàng nhạt trong suốt	0.88	220	101	<-20	>260	1b	* *	* *

4.2. DẦU RÃNH TRƯỢT BĂM DÍNH CAO

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Ăn mòn Đồng	Chống gỉ	Chống ăn mòn
SHL SYNTHWAY 68HM	Vàng nhạt trong suốt	0.87	68	>120	<-20	>240	1a	* *	* *
SHL SYNTHWAY 100HM	Vàng nhạt trong suốt	0.87	100	>120	<-20	>240	1a	* *	* *

5. DẦU TRỤC QUAY

DẦU TRỤC QUAY SHL là một loại dầu khoáng công nghiệp có độ nhớt thấp được sử dụng trong việc bôi trơn các trục máy tốc độ cao. Những loại dầu này thường dùng để bôi trơn cho máy may và máy công cụ, vòng bi trục chính, bánh răng định thời, bộ tách ly tâm, máy thổi khí và hệ thống thủy lực của một số thiết bị máy có độ chính xác cao.

SHL SPINDLE



Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	Ăn mòn Đồng	Chống gỉ	Chống ăn mòn
SHL SPINDLE V2	Trắng trong suốt	0.79	2	<-10	>100	1a	* *	* *
SHL SPINDLE V5	Trắng trong suốt	0.83	5	<-10	>120	1a	* *	* *
SHL SPINDLE V10	Trắng trong suốt	0.84	10	<-10	>140	1a	* *	* *
SHL SPINDLE S10	Trắng trong suốt	0.84	10.	<-10	>140	1a	* *	* *
SHL SPINDLE V15	Trắng trong suốt	0.84	15	<-10	>140	1a	* *	* *
SHL SPINDLE V22	Trắng trong suốt	0.85	22	<-20	>200	1a	* *	* *
SHL SPINDLE V26	Trắng trong suốt	0.85	26	<-20	>200	1a	* *	* *

[MEMO]

.....

.....

.....

.....

.....

.....

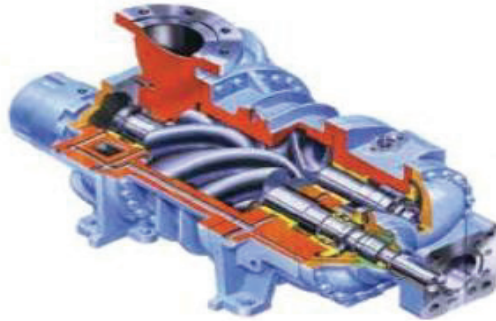
6. DẦU MÁY NÉN KHÍ

DẦU MÁY NÉN KHÍ SHL được phát triển và thử nghiệm trên nhiều loại máy nén khí. Các chức năng chính của dầu máy nén khí bao gồm giảm mài mòn, tiết kiệm năng lượng, làm mát, làm kín và làm sạch. Dầu máy nén khí SHL được chia thành 3 loại: loại dầu gốc khoáng, loại bán tổng hợp và loại tổng hợp.

SHL COMPRESSOR _

SHL SYNCOM _

SHL SEMI-SYNCOM _



6.1. LOẠI DẦU GỐC KHOÁNG

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	RBOT	PISTON	TRỤC VÍT
SHL COMPRESSOR 32N-1	Vàng sáng trong suốt	0.84	32	130	<-10	>240	4000		✓
SHL COMPRESSOR 46N-1	Vàng sáng trong suốt	0.85	46	112	<-10	>240	2400		✓
SHL COMPRESSOR 68N-1	Vàng sáng trong suốt	0.86	68	120	<-10	>250	1600		✓
SHL COMPRESSOR 100N-1	Vàng sáng trong suốt	0.86	100	103	<-10	>280	2500		✓

6.2. LOẠI TỔNG HỢP

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	RBOT	PISTON	TRỤC VÍT
SHL SYN COMP32	Vàng sáng trong suốt	0.86	32	159	<-40	>280	1800		✓
SHL SYN COMP46	Vàng sáng trong suốt	0.86	46	159	<-40	>280	1800		✓
SHL SYN COMP68	Vàng sáng trong suốt	0.86	68	159	<-40	>280	1800		✓

6.3. LOẠI BÁN TỔNG HỢP

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	RBOT	PISTON	TRỤC VÍT
SHL SEMI-SYN COM 32	Vàng sáng trong suốt	0.86	32	133	<-30	>250	>1500		✓
SHL SEMI-SYN COM 46	Vàng sáng trong suốt	0.86	46	132	<-30	>250	>1500		✓
SHL SEMI-SYN COM 68	Vàng sáng trong suốt	0.86	68	130	<-30	>250	>1500		✓

7. DẦU BƠM CHÂN KHÔNG

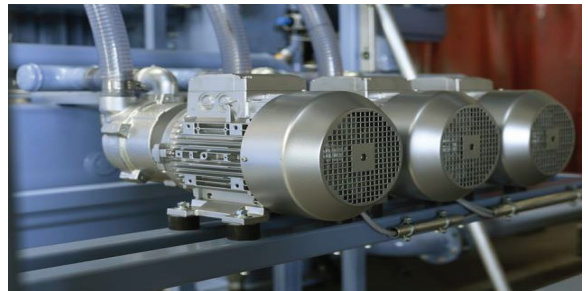
DẦU BƠM CHÂN KHÔNG SHL là dầu bơm chân không cao cấp chuyên dụng cho máy bơm chân không, có tính năng bảo vệ vượt trội chống lại sự hình thành cặn bẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất của bơm chân không.

DẦU BƠM CHÂN KHÔNG SHL được thiết kế từ các loại dầu gốc cao cấp và được lựa chọn đặc biệt để đạt hiệu suất cao phù hợp với tất cả các loại bơm chân không, máy hút bụi, đặc biệt trong lĩnh vực tách dầu - nước, chống mài mòn và ổn định oxy hóa, với chỉ số độ nhớt cao và tuổi thọ kéo dài.

SHL VP _

SHL SYN VP _

SHL SEMI-SYN VP _



7.1. LOẠI DẦU GỐC KHOÁNG

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)
SHL VP 68 NEW	Vàng sáng trong suốt	0.87	68	107	<-25	>200
SHL VP 100 NEW	Vàng sáng trong suốt	0.87	100	107	<-25	>200

7.2. LOẠI TỔNG HỢP

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)
SHL SYN VP 68	Vàng sáng trong suốt	0.83	68	135	<-30	>220
SHL SYN VP 100	Vàng sáng trong suốt	0.84	100	140	<-30	>220

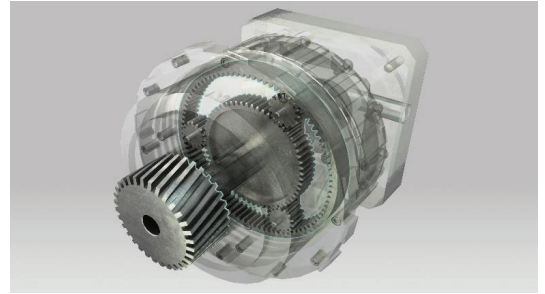
7.3. LOẠI BÁN TỔNG HỢP

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)
SHL SEMI-SYN VP 68	Vàng sáng trong suốt	0.86	68	110	<-25	>200
SHL SEMI-SYN VP 100	Vàng sáng trong suốt	0.87	100	110	<-25	>200

8. DẦU TUA BIN

DẦU TUA BIN SHL là loại dầu tuabin cao cấp với hiệu quả tách nước và khí cao, chống tạo bọt và chống oxy hóa. Các tính năng chống mài mòn và áp suất cực cao được tăng cường cho phép bôi trơn hộp số tuabin.

DẦU TUA BIN SHL được bổ sung các chất phụ gia tiên tiến để ngăn chặn quá trình oxy hóa, gỉ sét và tạo bọt trong tuabin. Dầu cũng được sử dụng để bôi trơn các tuabin thủy lực và hơi nước. Nó cũng có thể được sử dụng cho các hệ thống tuần hoàn để bôi trơn các ổ trục, bánh răng và khớp nối của máy.



SHL TURBINE _

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)	RBOT	Ăn mòn Đồng
SHL TURBINE 32	Vàng sáng trong suốt	0.84	32	130	<-20	>220	>1000	1
SHL TURBINE 46	Vàng sáng trong suốt	0.85	46	134	<-30	>240	>1000	1
SHL TURBINE 68	Vàng sáng trong suốt	0.85	68	116	<-30	>240	>1000	1
SHL TURBINE 100	Vàng sáng trong suốt	0.87	100	101	<-30	>240	>1000	1

[MEMO]

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

9. DẦU TRUYỀN NHIỆT

DẦU TRUYỀN NHIỆT SHL được ứng dụng cho hệ thống truyền nhiệt trong các ngành công nghiệp như chế biến, thực phẩm, nhà máy hóa chất, sản xuất dệt may, gỗ, giấy, nhựa, xi măng, nấu nhựa, đường và bộ tản nhiệt dầu...

DẦU TRUYỀN NHIỆT SHL được phân thành 3 loại: Loại dầu gốc khoáng (Therm Series), Loại bán tổng hợp và Loại tổng hợp (SYN Therm Series).

SHL THERM _
SHL SYN THERM _



9.1. LOẠI DẦU GỐC KHOÁNG

Sản phẩm	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm chớp cháy (°C)	Tự bốc cháy	Điểm đông đặc (°C)	Ăn mòn Đồng	Chống oxy hóa	Bốc hơi thấp	Hiệu quả cao
SHL THERM 22	0.84	22	120	>220	-	<-20	1	✓	-	-
SHL THERM 32	0.84	32	130	>230	-	<-15	1	✓	-	-
SHL THERM 46	0.85	46	125	>230	-	<-15	1	✓	-	-
SHL THERM 68	0.86	68	125	>250	-	<-20	1	✓	-	-

9.2. LOẠI TỔNG HỢP

Sản phẩm	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm chớp cháy (°C)	Tự bốc cháy	Điểm đông đặc (°C)	Ăn mòn Đồng	Chống oxy hóa	Bốc hơi thấp	Hiệu quả cao
SHL SYN THERM 22L	0.87	22	>190	370	<-40	1	✓	✓	✓	✓
SHL SYN THERM 32L	0.87	32	>200	462	<-35	1	✓	✓	✓	✓

9.3. LOẠI BÁN TỔNG HỢP

Sản phẩm	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm chớp cháy (°C)	Tự bốc cháy	Điểm đông đặc (°C)	Ăn mòn Đồng	Chống oxy hóa	Bốc hơi thấp	Hiệu quả cao
SHL THERM 20S	0.86	22	>200	-	<-35	1	✓	✓	✓	✓

DẦU ĐỘNG CƠ SHL là hỗn hợp của dầu gốc (dầu gốc khoáng hoặc dầu gốc tổng hợp) và các chất phụ gia dùng để bôi trơn động cơ xe tải, động cơ ô tô, tàu thủy.... Tính năng của dầu động cơ SHL là giảm ma sát, làm mát, làm kín, chống rỉ và làm sạch. Theo nguyên lý hoạt động của động cơ, người ta thường chia dầu thành 2 loại chính tương ứng với 2 loại động cơ: Động cơ xăng và động cơ Diesel.



1. DẦU ĐỘNG CƠ DIESEL

Sản phẩm		Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)
CF-4	Silk Jet Road 15W40	0.87	114	135	<-27	>255
	Silk Jet Road 20W50	0.87	180	124	<-27	>255
CI-4	Silk Turbo Road 15W40	0.87	114	130	<-24	>220
	Silk Turbo Road 20W50	0.87	180	124	<-24	>245

2. DẦU ĐỘNG CƠ XĂNG

Sản phẩm	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)
SHL OTO SN 10W40	0.86	85	147	<-24	>245
SHL OTO SN 15W40	0.87	98	132	<-24	>245

3. DẦU ĐỘNG CƠ XE MÁY

Sản phẩm	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)
ECO SN 5W30 (MA)	0.85	65	164	<-27	≥220
ECO SJ 20W50 ((MA)	0.87	156	128	<-24	≥240
ECO SL 10W40 (MA)	0.86	86	135	<-27	≥230
ECO SL 10W40 (MB)	0.86	91	150	<-24	≥240
ECO SJ 15W40 (MA)	0.87	104	135	<-27	≥230
ECO SG 20W50 (MA)	0.87	156	125	<-24	≥240

X. DẦU CẦU HỘP SỐ

DẦU CẦU HỘP SỐ SHL là dầu hộp số sàn (MTF). Dầu hộp số sàn MTF bôi trơn các bánh răng và ổ trục bên trong hộp số. Theo Tiêu chuẩn API, người ta thường chia thành 2 loại chính là API GL-4 và API GL-5.

API GL-4 được sử dụng trong hộp số tay và API GL-5 được sử dụng trong hộp số vi sai.

DẦU BÁNH RĂNG XE TAY GA SHL được thiết kế từ dầu gốc bản tổng hợp và các chất phụ gia tiên tiến. Nhớt xe tay ga SHL GL-5 80W90 được ưu tiên sử dụng cho các dòng xe tay ga như SH, Air Blade, Nouvo, PCX, LEAD,...

1. DẦU CẦU HỘP SỐ

Sản phẩm		Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)
GL-4	SHL MTF 90IV	0.88	170	99	<-24	>250
	SHL MTF 140IV	0.89	310	95	<-15	>250
	SHL MTF 80W90 IV	0.87	128	121	-	-
	SHL MTF 85W140 IV	0.88	360	110	-	-
GL-5	SHL MTF 90V	0.88	170	100	<-24	>250
	SHL MTF 140V	0.90	310	95	<-15	>250
	SHL MTF 80W90 V	0.88	128	121	-	-
	SHL MTF 85W140 V	0.88	360	110	-	-

2. DẦU BÁNH RĂNG XE TAY GA

Sản phẩm	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	Chỉ số độ nhớt	Điểm đông đặc (°C)	Điểm chớp cháy (°C)
ECO SCOOTER GEAR OIL 80W90	0.88	145	110	<-24	>200
ECO SCOOTER GEAR OIL 85W140	0.88	360	110	-	-



XI. DẦU TÁCH KHUÔN

DẦU TÁCH KHUÔN SHL tạo ra một lớp dầu trên bề mặt khuôn để các sản phẩm không bị dính vào khuôn. Dầu tách khuôn SHL thường được sử dụng trong quá trình tách khuôn cho vật liệu đúc khuôn nhôm và xi măng.

DẦU TÁCH KHUÔN SHL có các chức năng chính sau: dùng để bôi trơn giữa vật liệu bề mặt tiếp xúc và khuôn, có khả năng chống dính, giúp khuôn tách khỏi phôi dễ dàng, làm mát khuôn trong quá trình đúc, bảo vệ và chống rỉ tuyệt đối cho bề mặt khuôn, không làm biến dạng khuôn, đảm bảo độ chính xác của chi tiết đúc, không gây ăn mòn khuôn.



1. DẦU TÁCH KHUÔN ĐÚC NHÔM

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	pH	Điểm chớp cháy	Ăn mòn Đồng	Tổng vật rắn (%)
SHL RE 1400H	Trắng sữa	1.0	-	9.0	-	-	14
SHL RE 1800H	Trắng sữa	1.0	-	8.5	-	-	18
SHL RE 2200H	Trắng sữa	1.0	-	8.5	-	-	22

2. DẦU TÁCH KHUÔN ĐỂ RÈN NÓNG

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	pH	Điểm chớp cháy	Ăn mòn Đồng	Tổng vật rắn (%)
SHL HF RE 070	Vàng sáng trong suốt	1.09	-	7.1	-	-	19

3. DẦU TÁCH KHUÔN BÊ TÔNG

Sản phẩm	Ngoại quan	Tỷ trọng (15/4°C)	Độ nhớt (40°C)	pH	Điểm chớp cháy	Ăn mòn Đồng	Tổng vật rắn (%)
SHL LUBRIC M010	Vàng sáng trong suốt	0.88	129	-	186	1	-
SHL LUBRIC M020	Trắng sữa	0.93	-	7.2	-	-	-

CERTIFICATE



명문장수기업

Time-honored Business



CERTIFICATE

No. SCU004867Q

certifies that :

SHL ASEAN CO., LTD

My Xuan B1 - Conac Industrial Zone, My Xuan Ward Phu My Town, Ba Ria - Vung Tau Province Vietnam

operates a management system that has been assessed as conforming to :

ISO 9001:2015

for the scope of activities :

Production and supply of lubricants

Issue date : 22 June 2022

Valid until : 05 June 2025 (Subject to adherence to the agreed ongoing programme, successful endorsement of certification following each audit and compliance with the terms and conditions of certification.)

Original date of certification : 06 June 2019

Mr Shaua Operations Director SOCOTEC Certification UK






SOCOTEC Certification UK Ltd, 4 Gordene Court

Serbent Close, Portlissall, Bristol BS20 7PS

UNITED KINGDOM

<http://socotec-certification-international.co.uk>

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỤ HỢP (QUACERT)



GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm	
1. SILK TURBO ROAD 15W40, API CI-4	7. ECO SJ 15W40, API SJ-4
2. SILK TURBO ROAD 20W50, API CI-4	8. ECO SJ 20W50, API SJ-4
3. SILK JET ROAD 15W40, API CF-4	9. ECO SG 20W50, API SG-4
4. SILK JET ROAD 20W50, API CF-4	10. SHL OTO SN 10W40, API SN
5. ECO SN 5W30, API SN-4	11. SHL OTO SN 15W40, API SN
6. ECO SL 10W40, API SL-4	

với nhãn hiệu thương mại :



được sản xuất tại

CÔNG TY TNHH SHL ASEAN

Trụ sở: Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 - Conac, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam

phủ hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

QCVN 14:2018/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN

và được phép sử dụng Dấu hợp quy



Phương thức chứng nhận:

Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017)

Số Giấy chứng nhận:

2152

Mã số:

2152-22-06/02

Hệ số hợp quy chứng nhận:

từ ngày 18/01/2022 đến ngày 17/01/2025

PHÓ TÀI ĐỐC PHỤ TRÁCH



Trần Quốc Bình

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam